

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Ánh

Bà Trần Thị Phận

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: Không tham gia phiên tòa

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 11 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 59/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1982 (xin vắng)

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2024 và các lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Vào năm 2003 chị và anh Nguyễn Ngọc S quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu anh chị tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán ở địa phương và được gia đình hai bên đồng ý.

Nữ trang cưới 04 chỉ vàng 24K. Hiện nay vợ chồng bán tiêu xài hết.

Anh chị đến UBND xã T, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Vĩnh Long đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 11/7/2005.

Sau đó anh chị về sinh sống tại xã T, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc và có hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 19/3/2004, Nguyễn Ngọc Bảo A sinh ngày 07/4/2017. Hai con chung đang sống cùng anh chị.

Vào khoảng đầu năm 2022 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng chị mỗi người có một quan điểm sống khác nhau, anh chị hay cãi vã nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kể từ đó anh chị ly thân nhau cho đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa Án Nhân Dân huyện Bình Tân giải quyết cho chị những vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 19/3/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Ngọc Bảo A sinh ngày 07/4/2017 chị yêu cầu được nuôi cháu Bảo A, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Ngọc S nhưng hết thời gian thông báo đương sự không cung cấp văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên hòa giải cho bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt
Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã triệu tập đến lần thứ hai.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Ngọc B về việc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S; về con chung có 02 người con chung, về tài sản chung, nợ chung chị B xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết là tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Bình Tân không phải tiến hành thu thập chứng cứ; các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc B, bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Ngọc S là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét cuộc sống gia đình giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Ngọc S không hạnh phúc, anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị Nguyễn Thị Ngọc B không còn mong muốn cùng anh Nguyễn Ngọc S xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Với những mâu thuẫn vợ chồng như chị đã trình bày nếu kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân sẽ càng thêm

trầm trọng thêm sự ức chế hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc hôn nhân này không thể kéo dài.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B, cho chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

[3.2] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 19/03/2004 đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày: 07/4/2017 chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A, cháu Bảo A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện tại cháu Nguyễn Ngọc Bảo A có cuộc sống ổn định. Việc chị B yêu cầu nuôi cháu Bảo A là có căn cứ nên được chấp nhận. Chị Nguyễn Thị Ngọc B không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc S cấp dưỡng nuôi con.

Giao con chung cho chị B nuôi dưỡng, anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con

[3.3] Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: chị B phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 21 và Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 19/03/2004 đã trưởng thành

Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày: 07/4/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc B nuôi dưỡng, anh Nguyễn Ngọc S chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số No 0000047 ngày

15/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, chị Nguyễn Thị Ngọc B không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai nguyên đơn xin vắng, vắng mặt bị đơn. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Bình Tân;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ánh Dương